

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1281 /UBND-KSTTHC

Phú Giáo, ngày 04 tháng 7 năm 2024

V/v niêm yết công khai

Quyết định về công bố thủ tục hành
chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh
vực quốc tịch, hộ tịch và 02 nhóm thủ
tục hành chính liên thông điện tử

Kính gửi:

- Phòng Tư pháp;
- Phòng Văn hóa và Thông tin;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Căn cứ Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch, hộ tịch và 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử thuộc phạm vi, chức năng quản lý và giải quyết của Sở Tư pháp, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

1. Yêu cầu Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chủ trì, phối hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công huyện và các đơn vị có liên quan thực hiện niêm yết công khai Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương tại trụ sở cơ quan, Trung tâm Phục vụ hành chính công huyện và Bộ phận một cửa các xã, thị trấn để người dân, tổ chức biết và thực hiện theo quy định.

2. Yêu cầu Phòng Văn hóa và Thông tin huyện thực hiện đăng tải Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương lên Trang thông tin điện tử huyện.

3. Giao Trung tâm Phục vụ hành chính công huyện theo dõi, kiểm tra và đôn đốc các đơn vị có liên quan thực hiện niêm yết công khai và đăng tải các quyết định theo đúng quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT. ✓

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Văn Quang Chính



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 1926/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 28 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch, hộ tịch và 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử thuộc phạm vi, chức năng quản lý và giải quyết của Sở Tư pháp; thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP, ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP, ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 296/QĐ-VPCP ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ về việc công bố 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi, xóa đăng ký thường trú, đăng ký khai tử, giải quyết mai táng, phí tử tuất;

Căn cứ Quyết định số 1078/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1079/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1468/TTr-STP, ngày 21 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này **37 thủ tục hành chính (TTHC)** được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch, hộ tịch và **02 nhóm** TTHC liên thông điện tử thuộc phạm vi, chức năng quản lý và giải quyết của Sở Tư pháp; thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực quốc tịch: Sửa đổi 05 TTHC (mã TTHC: 2.001895; 2.002039; 2.002038; 2.002036; 1.005136) thuộc phạm vi, chức năng quản lý và giải quyết của Sở Tư pháp được công bố tại Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý và giải quyết của Sở Tư pháp; thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Bình Dương.

2. Lĩnh vực hộ tịch: Sửa đổi 32 TTHC:

- 01 TTHC áp dụng chung (mã TTHC: 2.000635) được công bố tại Quyết định số 2859/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố TTHC được sửa đổi trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý và giải quyết của Sở Tư pháp; thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- 15 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (mã TTHC: 2.000528; 2.000806; 1.001766; 2.000779; 1.001695; 1.001669; 2.000756; 2.000748; 2.002189; 2.000554; 2.000547; 2.000522; 1.000893; 2.000513; 2.000497) được công bố tại Quyết định số 2859/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh và Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố TTHC được sửa đổi trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý và giải quyết của Sở Tư pháp; thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Bình Dương.

- 16 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (1.001193; 1.000894; 1.001022; 1.000689; 1.000656; 1.003583; 1.000593; 1.000419; 1.004837; 1.004845; 1.004859; 1.004873; 1.004884; 1.004772; 1.004746; 1.00546) được công bố tại Quyết định số 2859/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Hai nhóm TTHC liên thông điện tử, gồm: Đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi (mã TTHC 2.002621) và đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - giải quyết mai táng, phí tử tuất (mã TTHC 2.002622).

(Chi tiết tại: Phần I - Danh mục TTHC; Phần II - Nội dung cụ thể của TTHC)

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP, HCC;
- Lưu: VT, Thẩm. 11



CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

PHẦN I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI TRONG LĨNH VỰC QUỐC TỊCH, HỘ TỊCH VÀ HAI NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG ĐIỆN TỬ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP; THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1926/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

STT	Mã TTHC (CSDLQG)	Tên thủ tục hành chính	Trang
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP			
LĨNH VỰC QUỐC TỊCH			
1	2.001895	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	1
2	2.002039	Nhập quốc tịch Việt Nam	9
3	2.002038	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	29
4	2.002036	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	49
5	1.005136	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	64
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN			
LĨNH VỰC HỘ TỊCH			
1	2.000528	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	74
2	2.000806	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	86
3	1.001766	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	96
4	2.000779	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	106
5	1.001695	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	116
6	1.001669	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	125



STT	Mã TTHC (CSDLQG)	Tên thủ tục hành chính	Trang
7	2.000756	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	135
8	2.000748	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	143
9	2.002189	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	155
10	2.000554	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	164
11	2.000547	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	175
12	2.000522	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	204
13	1.000893	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	216
14	2.000513	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	226
15	2.000497	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	236
III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ			
LĨNH VỰC HỘ TỊCH			
1	1.001193	Đăng ký khai sinh	245
2	1.000894	Đăng ký kết hôn	255
3	1.001022	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	265
4	1.000689	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	275
5	1.000656	Đăng ký khai tử	283
6	1.003583	Đăng ký khai sinh lưu động	293

STT	Mã TTHC (CSDLQG)	Tên thủ tục hành chính	Trang
7	1.000593	Đăng ký kết hôn lưu động	298
8	1.000419	Đăng ký khai tử lưu động	303
9	1.004837	Đăng ký giám hộ	308
10	1.004845	Đăng ký chấm dứt giám hộ	317
11	1.004859	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	326
12	1.004873	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	337
13	1.004884	Đăng ký lại khai sinh	348
14	1.004772	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	359
15	1.004746	Đăng ký lại kết hôn	370
16	1.005461	Đăng ký lại khai tử	380
IV. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CƠ QUAN QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ (SỞ TƯ PHÁP, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ)			
1	2.000635	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	389
V. HAI (02) NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG ĐIỆN TỬ: ĐĂNG KÝ KHAI SINH, ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ, CẤP THẺ BẢO HIỂM Y TẾ CHO TRẺ EM DƯỚI 6 TUỔI; ĐĂNG KÝ KHAI TỬ, XÓA ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ, GIẢI QUYẾT MAI TÁNG PHÍ, TỬ TUẤT			
A	Nhóm thủ tục hành chính liên thông cấp xã, cấp huyện		
1	2.002621	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	398
B	Nhóm thủ tục hành chính liên thông cấp xã, cấp huyện, tỉnh		
2	2.002622	Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	405